TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2231/2022/DS-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Khê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu

2. Ông Trần Đăng Vạn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 484/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3257/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 175 Lê Văn Việt, Tổ 15B, Khu phố 4, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 15 Trương Văn Hải, Khu phố 2, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 66 Man Thiện, Khu phố 1, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 15 Trương Văn Hải, Khu phố 2, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Đoàn Văn Đ có mặt, bà Nguyễn Thị Lan H và bà Nguyễn Thị Hồng P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Vào ngày 02/01/2020, bà Nguyễn Thị Lan H có vay của Ông số tiền 6.200.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 20%/năm; thời hạn vay từ ngày 02/01/2020 đến ngày 02/12/2022; tiền lãi sẽ trả hàng tháng, tiền vay gốc sẽ trả dần hoặc trả một lần khi đáo hạn vay; nếu quá một tháng mà bà H không trả tiền lãi thì phải trả ngay tiền vay gốc đã nhận và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán mà không tính thời hạn vay như đã thỏa thuận ở trên. Khoản vay này có lập thành văn bản với tiêu đề "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020. Đối với khoản vay này bà H đã thanh toán tiền lãi cho ông Đ đến ngày 02/02/2021.

Do Ông và bà H là bạn bè quen thân từ trước nên dù chưa thanh toán tiền nợ gốc của khoản vay trên theo thỏa thuận ngày 02/01/2020 (khoản 6.200.000.000 đồng) nhưng vào ngày 02/02/2021, Ông vẫn tiếp tục cho bà H vay số tiền 6.550.000.000 đồng để sửa chữa nhà và đầu tư thêm vốn kinh doanh, với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm); thời hạn vay từ ngày 02/02/2021 đến ngày 02/12/2022; tiền lãi sẽ trả hàng tháng, tiền vay gốc sẽ trả dần hoặc trả một lần khi đáo hạn vay; nếu quá một tháng mà bà H không trả tiền lãi thì thời hạn vay như đã thỏa thuận ở trên sẽ bị hủy bỏ, bà H phải hoàn trả ngay cho Ông số tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán; khoản vay này không liên quan đến các khoản nợ, vay khác. Khoản vay này có lập thành văn bản với tiêu đề "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021.

Từ ngày 02/02/2021 đến nay, bà H không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ông, Ông đã nhiều lần tìm kiếm bà H để yêu cầu trả nợ nhưng không thành.

Vì vậy, Ông nộp đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Lan H, yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho Ông số tiền vay gốc là 12.750.000.000 đồng và tiền lãi tính trên nợ gốc 12.750.000.000 đồng từ ngày 02/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 21/6/2022) với mức lãi suất 20%/năm = 12.750.000.000đ x 20%/năm x 505 ngày = 3.528.082.192 đồng. Tổng cả gốc và lãi bà H phải trả là 16.278.082.192 đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Lan H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bà H đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 17/11/2021 như sau: Bà xác định khoản tiền tranh chấp là tài sản riêng của chồng Bà (ông Đoàn Văn Đ) nên không có ý kiến gì.

Đồng thời, bà P xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp và đề nghị xét xử vụ án vắng mặt Bà.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật; Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lại số tiền gốc của cả hai khoản vay là 12.750.000.000 đồng; chấp nhận mức lãi suất 20%/năm đối với giấy vay tiền ngày 02/01/2020. Đối với giấy vay tiền ngày 02/02/2021 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm) nên nguyên đơn yêu cầu áp dụng tính lãi với khoản vay 6.550.000.000 đồng với mức 20%/năm là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của nguyên đơn đối với phần lãi suất vượt quá thỏa thuận. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; ông Đoàn Văn Đ phải chịu án phí đối với khoản tiền lãi không được Tòa án chấp nhận, nhưng do ông Đ là đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Văn Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan H phải thanh toán khoản nợ còn thiếu theo "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020 và "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021; bà H có nơi cư trú tại phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan H vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà P.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, xác nhận của đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 02/01/2020, bà Nguyễn Thị Lan H có vay của ông Đoàn Văn Đ số tiền 6.200.000.000 đồng theo văn bản có tiêu đề "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020. Các bên thỏa thuận mức lãi suất là 20%/năm; thời hạn vay từ ngày 02/01/2020 đến ngày 02/12/2022; tiền lãi sẽ trả hàng tháng, tiền vay gốc sẽ trả dần hoặc trả một lần khi đáo hạn vay; nếu quá một tháng mà bà H không trả tiền lãi thì phải trả ngay tiền vay gốc đã nhận và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán mà không tính thời hạn vay như đã thỏa thuận ở trên. Ngày 02/02/2021, bà H tiếp tục vay ông Đ số tiền 6.550.000.000 đồng theo văn bản có tiêu đề "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021, để sửa chữa nhà và đầu tư thêm vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm); thời hạn vay từ ngày 02/02/2021 đến ngày 02/12/2022; tiền lãi sẽ trả hàng tháng, tiền vay gốc sẽ trả dần hoặc trả một lần khi đáo hạn vay; nếu quá một tháng mà bà H không trả tiền lãi thì thời hạn vay như đã thỏa thuận ở trên sẽ bị hủy bỏ, bà H phải hoàn trả ngay cho ông Đ tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán; khoản vay này không liên quan đến các khoản nợ, vay khác. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông Đ số tiền vay gốc là 12.750.000.000 đồng và tiền lãi tính trên nợ gốc từ ngày 02/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 21/6/2022) với mức lãi suất 20%/năm.

Theo lời khai của ông Đ thì từ ngày 02/02/2021 đến nay, bà H chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt triệu tập bà H thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án cung cấp lời khai cũng như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H.

Xét việc vay mượn giữa bà H với ông Đ có được lập thành văn bản, mục đích vay là để sửa chữa nhà và đầu tư thêm vốn kinh doanh, nội dung thỏa thuận đã thể hiện rõ số tiền vay, mức lãi suất (20%/năm và 1,5%/tháng tương đương 18%/năm) và thời hạn vay. Do đó, 02 văn bản có tiêu đề "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020 và "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021 ký giữa ông Đ và bà H là hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc buộc bà H trả số tiền nợ gốc là 12.750.000.000 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy nội dung của 02 văn bản có tiêu đề "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020 và "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021 đã thể hiện rõ việc bà H có vay của ông Đ lần lượt 02 khoản tiền là 6.200.000.000 đồng và 6.550.000.000 đồng. Tổng cộng là 12.750.000.000 đồng. Do đó, việc bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, nên việc ông Đ khởi kiện buộc bà H phải thanh toán số tiền nợ gốc 12.750.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Đ về việc buộc bà H phải trả tiền lãi của khoản vay gốc 12.750.000.000 đồng, tính từ ngày 02/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 21/6/2022) với mức lãi suất 20%/năm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cả 02 khoản vay ngày 02/01/2020 và ngày 02/02/2021, hai bên đều thỏa thuận về mức lãi suất và thời hạn vay. Theo khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468; Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất cho vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Xét ông Đ chỉ yêu cầu bà H chịu lãi trên nợ gốc là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, đối với khoản vay ngày 02/02/2021 là 6.550.000.000 đồng thì các bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm), do đó việc ông Đ yêu cầu tính lãi suất chung cho cả 02 khoản vay cùng mức 20% là không phù hợp với thỏa thuận mà các bên đã ghi trong "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn trên số tiền gốc 6.550.000.000 đồng vượt quá thỏa thuận, tương đương 2%/năm. Số tiền lãi được chấp nhận bao gồm:

+ Tiền lãi từ ngày 02/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/6/2022) tính trên nợ gốc 6.200.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm: 6.200.000.000đ x 20%/năm x 505 ngày = 1.739.444.444 đồng;

+ Tiền lãi từ ngày 02/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/6/2022) tính trên nợ gốc 6.550.000.000 đồng với mức lãi suất 1,5%/tháng: 6.550.000.000đ x 1,5%/tháng x 505 ngày = 1.653.875.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà bà H phải trả cho ông Đ là: 3.393.319.444 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi mà bà H phải trả cho ông Đ là: 16.143.319.444 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lan H phải trả cho ông Đ số tiền 16.143.319.444 đồng, gồm 12.750.000.000 đồng nợ gốc và 3.393.319.444 đồng nợ lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000đ + 0,1% x (16.143.319.444đ – 4.000.000.000đ) = 124.143.319 đồng, bị đơn bà Nguyễn Thị Lan H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn Văn Đ phải chịu án phí trên phần yêu cầu về lãi suất mà Tòa án không chấp nhận là 134.762.748 đồng. Tuy nhiên, do ông Đoàn Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Đ

đã có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên ông Đ được miễn nộp án phí đối với phần này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đối với bị đơn Nguyễn Thị Lan H về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 16.143.319.444đ (Mười sáu tỷ một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm mười chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng), gồm 12.750.000.000đ (Mười hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và 3.393.319.444đ (Ba tỷ ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm mười chín nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) nợ lãi theo "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020 và "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021 ký kết giữa các bên.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2022) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản nợ, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020 và "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021.

- Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn trên số tiền gốc 6.550.000.000 đồng theo "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021 do vượt quá mức lãi suất thỏa thuận là 134.762.748 đồng.

- "Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)" đề ngày 02/01/2020 và "Hợp đồng vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền)" đề ngày 02/02/2021 ký kết giữa ông Đoàn Văn Đ với bà Nguyễn Thị Lan H được lưu vào hồ sơ vụ án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 124.143.319đ (Một trăm hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm mười chín đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Khê